TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH L TỈNH VĨNH L	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 49/2021/DS-ST
Ngày: 19 - 4 - 2021
Về việc: Hợp đồng thẻ tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn T

2. Bà Huỳnh Thị C

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bé D - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh L, tham gia phiên tòa:* (không tham gia).

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:219/2020/TLST-DS, ngày 09 tháng 11 năm 2020, về tranh chấp "Hợp đồng thẻ tín dụng". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2021/QĐXX-STDS, ngày 27 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2021/QĐXX-STDS, ngày 23 tháng 02 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2021/QĐXX-STDS, ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: *Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn ThươngT; Trụ sở tại số 266 - 268, đường Nam Kỳ Khởi N, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ Tổng Giám đốc.*

Đại diện ủy quyền hợp pháp của nguyên đơn: Ông Cao Hồng S, chức vụ Giám đốc chi nhánh Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T Vĩnh L; Trụ sở tại số D35, Đinh Tiên H, Phường 8, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L (văn bản số: 3978 ngày 16/12/2019).

Đại diện ủy quyền của giám đốc chi nhánh: Ông Trần Quốc D, chức vụ phó giám đốc giao dịch Tam Bình/Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T Chi nhánh Vĩnh L; Địa chỉ số 17, tổ 10, đường Phan Văn Đ, Khóm 1, thị trấn Tam Bình, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh L (văn bản số 241 ngày 15/7/2020). (có mặt)

2. Bị đơn: *Bà Nguyễn Thị Hồng M, sinh năm 1980 (vắng mặt)*

Cư trú tại nhà số 50C, đường Hoàng Hoa T, Phường 2, thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/7/2020, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương T (gọi tắt là Ngân hàng) yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng M phải trả cho Ngân hàng số tiền thẻ tín dụng, tạm tính đến ngày 13/7/2020 tổng cộng 18.358.925 đồng (trong đó dư nợ 8.514.150 đồng, nợ lãi quá hạn 9.844.775 đồng) và còn phải chịu tiền lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi thanh toán xong nợ theo quy định; Bà M phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm.

Ông Trần Quốc D khai: Ngân hàng và bà M có ký kết hợp đồng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, các tài liệu này được gọi chung là hợp đồng) vào ngày 23/4/2015. Căn cứ vào thu nhập của bà M, Ngân hàng duyệt cấp 01 thẻ chính tín dụng số: 356480-5120, loại thẻ quốc tế Motor Card với hạn mức sử dụng 20.000.000đồng tiêu dùng cá nhân. Thỏa thuận về cách tính lãi và áp dụng lãi suất vi phạm tại Điều 22, 23 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Nếu không thanh toán toàn bộ số tiền đến hạn, đầy đủ đúng hạn vào hoặc trước ngày đến hạn thì phải thanh toán lãi suất đối với tất cả các khoản nợ được thể hiện trong thông báo giao dịch hiện tại và đối với bất kỳ khoản nợ nào phát sinh sau đó trong tài khoản cho đến khi toàn bộ nợ đến hạn ghi trong thông báo giao dịch mới nhất được thanh toán vào hoặc trước ngày đến hạn. Lãi suất được tính từ ngày giao dịch cho đến ngày việc thanh toán được thực hiện đầy đủ; Ngân hàng có quyền sửa đổi mức lãi suất trong từng thời kỳ mà không cần thông báo cho chủ thẻ; Lãi suất tại thời điểm làm thẻ 2.5% tháng; Áp dụng lãi suất nợ quá hạn 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại đối với toàn bộ dư nợ.

Thực hiện hợp đồng, bà M giao dịch thẻ từ ngày 31/5/2015 đến ngày 31/7/2015, tổng cộng 03 kì bằng số tiền 59.500.000đồng và thanh toán được 28 kì đến ngày 31/8/2017, số dư cuối kì 7.462.000 đồng có bao gồm tiền lãi trong hạn, tiền phí và tiền phí trễ hạn, rồi ngưng không thanh toán nợ. Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ đối với bà M và chuyển sang nợ quá hạn số dư nợ tại thời điểm 31/12/2017 là 8.514.150 đồng. Ngân hàng thông báo số: 149 ngày 19/9/2019 và thông báo số: 161 ngày 05/10/2019 yêu cầu bà M trả nợ nhưng không thực hiện. Tính đến ngày 27/01/2021, số dư nợ 8.514.150 đồng, tiền lãi quá hạn 11.952.089 đồng. Tổng cộng vốn lãi 20.466.239 đồng. Ngân hàng yêu cầu bà M phải thanh toán nợ vay và phải chịu tiền lãi quá hạn phát sinh đến khi thanh toán xong nợ vay theo hợp đồng thẻ tín dụng.

Bị đơn Nguyễn Thị Hồng M vắng mặt các phiên họp hòa giải và công khai chứng cứ: Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 18/11/2020, ngày 08/12/2020

và ngày 07/01/2021 để tham gia các phiên họp lần thứ nhất vào ngày 03/12/2020, ngày 25/12/2020 và ngày 27/01/2021; Thông báo kết quả công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 06/02/2021 nhưng bà M vắng mặt, không lý do và không có lời khai phản hồi vụ kiện nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có tài liệu, chứng cứ gì mới để xuất trình. Ông D Khai, bà M ký hợp đồng thẻ tín dụng vào ngày 21/4/2015, Ngân hàng xét duyệt vào ngày 23/4/2015 và cấp 01 thẻ chính tín dụng số: 356480-5120, loại thẻ quốc tế Motor Card, hạn mức sử dụng 20.000.000 đồng tiêu dùng cá nhân cho bà M. Lãi suất cố định tại thời điểm là 2.7% tháng; Áp dụng lãi suất nợ quá hạn 150% của lãi suất được công bố áp dụng tại thời điểm hiện tại đối với toàn bộ dư nợ, không có áp dụng bất kỳ biện pháp bảo đảm nào cho hợp đồng thẻ tín dụng này. Sau khi ký hợp đồng, bà M rút thẻ vào ngày 31/5/2015 số tiền 20.000.000 đồng và trả tiền phí được 300.000 đồng rồi ngưng không trả vốn lãi, đến tháng 7 năm 2015, bà M trả hết nợ vay của số tiền 20.000.000 đồng. Vào ngày 31/7/2015, bà M rút thẻ một lần số tiền 20.000.000 đồng rồi ngưng không trả tiền vốn, lãi theo hợp đồng. Tính đến ngày 31/8/2017 bà M còn nợ vốn là 8.514.150 đồng, do vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển sang nợ quá hạn vào ngày 31/12/2017. Trước khi chuyển sang nợ quá hạn, Ngân hàng có lập thông báo và gửi bưu điện tống đạt đến cho bà M được biết.

Nay phía Ngân hàng yêu cầu bà M trả tiền nợ thẻ tín dụng còn lại tính đến ngày xét xử sơ thẩm (19/4/2021) là 21.338.965đồng (trong đó, tiền dư nợ còn lại trong hạn 8.514.150 đồng, tiền lãi quá hạn 12.824.815đồng). Ngoài ra, bà M phải chịu tiền lãi tiếp theo cho đến khi thanh toán hết nợ, theo mức lãi quá quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng thẻ tín dụng ngày 23/4/2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt bà M, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng lần thứ nhất vào ngày 06/02/2021 và lần hai vào ngày 01/3/2021 và lần thứ ba vào ngày 01/4/2021 để tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất ngày 23/02/2021, phiên tòa sơ thẩm lần hai vào ngày 16/3/2021 và phiên tòa sơ thẩm lần ba vào ngày 19/4/2021 nhưng vắng mặt, không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Hợp đồng thẻ tín dụng ký kết giữa một bên chủ thể đăng ký kinh doanh và một bên là cá nhân không có đăng ký kinh doanh, sử dụng tiền vay vào mục đích tiêu dùng nên chưa hội đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định là hợp đồng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại địa phận thành phố Vĩnh L là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Hợp đồng thẻ tín dụng được xác lập vào năm 2015, đang thực hiện có nội dung và hình thức phù hợp với Bộ luật dân sự 2015. Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự đang hiệu lực hiện hành để giải quyết.

- Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L đã tống đạt văn bản tố tụng để triệu tập bà M tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt, không lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo luật định.

[2]. Ngân hàng yêu cầu phải thanh toán nợ vay còn lại 21.338.965 đồng và tiền lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm, trên cơ sở tài liệu chứng cứ chứng minh là hợp đồng thẻ tín dụng ngày 23/4/2015 kèm theo chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của bà M. Đối với bà M đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản hồi thông báo thụ lý vụ án, thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Bà M không đưa ra chứng cứ để chứng minh bảo vệ quyền lợi cho mình nên phải chịu hậu quả theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, các tài liệu chứng cứ do phía Ngân hàng xuất trình thể hiện bà M có ký tên thực hiện giao dịch vay tiền tại Ngân hàng thông qua các thủ tục nêu trên là có cơ sở.

[3]. Về mức lãi suất thỏa thuận được thực hiện đúng qui định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.Vì vậy, bà M phải chịu tiền lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng là có căn cứ chấp nhận. Ngày 31/12/2017, bà M vi phạm trả nợ nên được chuyển sang nợ quá hạn theo Điều 22, Điều 23 hợp đồng thẻ tín dụng là có căn cứ. Do đó, theo quy định Điều 463 và khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự, bà M phải có nghĩa vụ hoàn trả tiền dư nợ gốc: 8.514.150 đồng và tiền lãi quá hạn 12824.815 đồng. Tổng cộng vốn lãi 21.338.965 đồng (Hai mươi một triệu ba trăm ba mươi tám nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng). Ngoài ra, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (19/4/2021) cho đến khi thi hành án xong, bà M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận theo hợp đồng thẻ tín dụng ngày 23/4/2015.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận. Do đó, phía bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm dân sự, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà M phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch là 1.067.000đồng.

- Ngân hàng Thương mại c ổ phần Sài Gòn Thương Tín không phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 459.000 đồng, theo biên lai số $N^0$0005816, ngày 29/10/2020 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh L, cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Các Điều 463, 466, 688 Bộ luật dân sự; Điều 26, 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Các Điều 227, 91, 147, 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử**:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T .

- Buộc bà Nguyễn Thị Hồng M phải thanh toán hợp đồng thẻ tín dụng ngày 23/4/2015, tổng cộng vốn lãi đến tại thời điểm xét xử sơ thẩm (19/4/2021) là 21.338.965 đồng (Hai mươi mốt triệu ba trăm ba mươi tám nghìn chín trăm sáu mươi lăm đồng) (trong đó dư nợ 8.514.150 đồng và tiền lãi quá hạn 12.824.815 đồng), cho Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (19/4/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn theo hợp đồng thẻ tín dụng, ngày 23/4/2015.

II. Án phí sơ thẩm: Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 459.000 đồng, theo biên lai số $N^0$0005816 ngày 29/10/2020 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh L, cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương T.

Bà M phải nộp tiền án phí sơ thẩm dân sự 1.067.000đồng.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày. Đối với đương sự có mặt được kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt, được tính từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Tòa án cấp tỉnh;
- T.H.A cùng cấp;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA